

Số: 103A /TB -TCL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 04 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về việc phụ thu đóng/rút đối với container hàng**  
**tại Bến 125 – Cảng Cát Lái**

Công ty CP ĐL GNVТ Xếp Dỡ Tân Cảng (gọi tắt “Tân Cảng Logistics”) xin cảm ơn sự hỗ trợ và hợp tác của Quý khách hàng trong suốt thời gian qua.

Để đảm bảo tính ổn định cũng như chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài bảng giá 36/TCL-KHKD, chúng tôi xin thông báo **phụ thu phí đóng/rút đối với container hàng tại bến 125 – Cảng Cát lái (chưa bao gồm thuế GTGT) theo biến động của giá nhiên liệu, như sau:**

Đvt: VNĐ/container



TT	Giá dầu DO 0,05S -II Vùng I (từ --- đồng/lít đến --- đồng/lít)	Rỗng lấy/trả tại Cát Lái		Rỗng lấy/trả tại KV Giang Nam, Phú Hưng, SITC GN		Rỗng lấy/trả tại Depot TC Mỹ Thủy/Depot khác	
		bao 50kg/ hàng thường	bao 25kg /hàng IMDG	bao 50kg/ hàng thường	bao 25kg /hàng IMDG	bao 50kg/ hàng thường	bao 25kg /hàng IMDG
1	Từ 20.000 đến 23.000	43.600	44.700	76.000	77.100	55.200	56.300
2	Từ 23.001 đến 26.000	78.700	80.700	137.000	139.100	99.500	101.600
3	Từ 26.001 đến 29.000	113.800	116.700	198.100	201.100	143.900	146.800
4	Từ 29.001 đến 32.000	148.800	152.700	259.200	263.000	188.300	192.100
5	Từ 32.001 đến 35.000	183.900	188.600	320.300	325.000	232.600	237.400
6	Từ 35.001 đến 38.000	219.000	224.600	381.400	387.000	277.000	282.600
7	Từ 38.001 đến 41.000	254.100	260.600	442.500	449.000	321.400	327.900
8	Từ 41.001 đến 44.000	289.100	296.600	503.600	511.000	365.700	373.200
9	Từ 44.001 đến 47.000	324.200	332.600	564.600	573.000	410.100	418.400
10	Từ 47.001 đến 50.000	359.300	368.500	625.700	635.000	454.500	463.700
11	Từ 50.001 đến 53.000	394.400	404.500	686.800	697.000	498.800	509.000
12	Từ 53.001 đến 56.000	429.400	440.500	747.900	759.000	543.200	554.200
13	Từ 56.001 đến 59.000	464.500	476.500	809.000	821.000	587.600	599.500
14	Từ 59.001 đến 62.000	499.600	512.400	870.100	882.900	631.900	644.800
15	Từ 62.001 đến 65.000	534.700	548.400	931.200	944.900	676.300	690.100
16	Từ 65.001 đến 68.000	569.700	584.400	992.300	1.006.900	720.700	735.300
17	Từ 68.001 đến 71.000	604.800	620.400	1.053.300	1.068.900	765.000	780.600

Thông báo này thay thế cho thông báo 103/TB-TCL ngày 9/3/2026. Thông báo áp dụng kể từ 00 giờ ngày **07/04/2026**, được điều chỉnh tại thời điểm giá nhiên liệu công bố trên website [petrolimex.com.vn](http://petrolimex.com.vn). Chúng tôi rất mong nhận được chia sẻ và đồng hành của Quý Doanh Nghiệp để cùng nhau vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các Hãng tàu, Khách hàng;
- Lưu: VT, KHKD, D03.

**GIÁM ĐỐC**  
  
  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Ngô Ngọc Khánh**